

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Trái đất; Chuyên ngành: Địa Tin học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHẠM MINH HẢI.....

2. Ngày tháng năm sinh: 1/12/1980.....;  Nam ;  Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;  
Dân tộc: Kinh.....; Tôn giáo: Không.....

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:  , hiện là Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy  
Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Hiệp Hòa, Huyện Kinh Môn,  
Tỉnh Hải Dương

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã,  
huyện, tỉnh): Số 57 Nguyễn Khắc Nhu, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình,  
Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 479 Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: .....

Điện thoại di động: 0915156881;

E-mail: [haialias@yahoo.com](mailto:haialias@yahoo.com), [pmhai@monre.gov.vn](mailto:pmhai@monre.gov.vn)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 7/2002 đến tháng 1/2004: Cán bộ nghiên cứu Viện Nghiên cứu Địa chính nay là  
Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường;

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN  
Từ tháng 2/2004 đến tháng 3/2005: Đi học lớp bồi dưỡng tiếng Nhật tại Đại học Help, Malaixia;

Từ tháng 4/2005 đến tháng 3/2007: Học Thạc sĩ tại Đại học Tổng hợp Nagoya, Nhật Bản;

Từ tháng 4/2007 đến tháng 3/2010: Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Nagoya, Nhật Bản;

Từ tháng 4/2010 đến tháng 3/2012: Nghiên cứu sau Tiến sĩ tại Đại học Tổng hợp Nagoya, Nhật Bản;

Từ tháng 4/2012 đến tháng 11/2012: Chuyên viên phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường;

Từ tháng 2/2012 đến tháng 2/2014: Phó trưởng phòng Phụ trách Phòng nghiên cứu Đo vẽ ảnh và Viễn thám, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường;

Từ tháng 3/2014 đến tháng 6/2016: Trưởng phòng nghiên cứu Đo vẽ ảnh và Viễn thám, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường;

Từ tháng 7/2014 đến tháng 1/2015: Thực tập sinh tại Đại học UCL Vương Quốc Bỉ bằng học bổng vùng Wallonie Bruxelles, Vương Quốc Bỉ;

Từ tháng 7/2016 đến tháng 6/2019: Phó Viện Trưởng Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường;

Từ tháng 6/2019 đến tháng 2/2020: Phó Viện Trưởng Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, kiêm Giám đốc Trung tâm Trắc địa Công trình và Địa chính, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường;

Từ tháng 3/2020 đến nay: Phó Viện Trưởng Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường

Chức vụ hiện nay: Phó Viện Trưởng;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Viện Trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường

Địa chỉ cơ quan: 479 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan 024-62694410

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ; Trường Đại học Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội; Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Ban hành kèm theo Công văn số 78 HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN  
Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thịnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết  
hạn nộp hồ sơ): Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Trường Đại học  
Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội

#### 9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 25 tháng 6 năm 2002, ngành: Địa lý, chuyên ngành: Địa chính  
Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội

- Được cấp bằng ThS ngày 10 tháng 3 năm 2005, ngành: Khoa học Trái Đất và Môi  
Trường, chuyên ngành: Viễn thám và Hệ thống thông tin Địa lý

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Tổng hợp Nagoya, Nhật Bản

- Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 3 năm 2010, ngành: Khoa học Trái Đất và Môi  
Trường, chuyên ngành: Viễn thám và Hệ thống thông tin Địa lý

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Tổng hợp Nagoya, Nhật Bản

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...., chuyên ngành: .....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

#### 10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng .... năm, ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Học viện  
Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại: HĐGS ngành, liên ngành:  
Ngành Khoa học Trái đất-Mỏ

#### 13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu tích hợp viễn thám, công nghệ địa không gian (geospatial information technology), phương pháp học máy (machine learning) trong phát triển các giải pháp công nghệ phục vụ công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường, dự báo các hiện tượng tai biến thiên nhiên;

- Nghiên cứu phát triển các thuật toán phân loại ảnh viễn thám;

- Giám sát quá trình đô thị hóa và quản lý đô thị ứng dụng công nghệ viễn thám, UAV và GIS.

#### 14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ...0... NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) ...3... HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức  
danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở: số lượng 2;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp Bộ: số lượng 1;

- Đã công bố (số lượng) 39 bài báo KH, trong đó 9 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy  
tín;

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Đã được cấp (số lượng) ...0..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản ..1...., trong đó ...1.. thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: ...0.....

#### 15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen Thủ Tướng Chính Phủ (2019) theo Quyết định số 846/QĐ-TTg về việc tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ ngày 8 tháng 7 năm 2019;
- Bằng khen Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi Trường (2014) theo Quyết định số 495/QĐ-BTNMT về việc tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ngày 28 tháng 3 năm 2014;
- Chiến sĩ thi đua cấp Viện Khoa học Đo đạc và bản đồ (2013,2014,2015,2016, 2017, 2018,2019).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.....

### B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

#### 1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi nhận thấy bản thân có đầy đủ những tiêu chuẩn của nhà giáo quy định trong Luật Giáo dục về: có đầy đủ phẩm chất đạo đức của nhà giáo, có lập trường tư tưởng vững vàng. Tôi đã được đào tạo bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ với nhiều năm công tác và nghiên cứu ở trong và ngoài nước. Khả năng truyền đạt tốt, có cơ sở khoa học và thực tiễn. Có triển vọng trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Với vị trí là Phó Viện Trưởng một Viện nghiên cứu đầu ngành có đào tạo trình độ Tiến sĩ về đo đạc bản đồ của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường, Tôi luôn chấp hành mọi quy định của pháp luật, luôn gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, tuân thủ các quy định pháp luật của nhà nước, cơ quan, đơn vị đào tạo. Bản thân luôn nỗ lực phấn đấu rèn luyện, không ngừng học tập nâng cao trình độ nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao trong công tác nghiên cứu và đào tạo tại Viện và các trường Đại học bản thân đang tham gia công tác giảng dạy.

#### 2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (\*):

- Tổng số .....6..... năm.
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK 2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp	Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ	ĐH	SĐH		
1	2014-2015			1		120 90	<p>210/280/135</p> <p>Giờ giảng dạy trực tiếp: 210 Giờ quy đổi: 280 Số giờ định mức: 50%*270 = 135</p> <p>(Định mức giờ chuẩn giảng dạy đổi với giảng viên được quy định tại Mục b, khoản 1, điều 5 của Thông tư 47/2014/TT-BGDDT; Quy đổi giờ ra giờ chuẩn giảng dạy đổi với giảng viên được quy định tại Khoản 2 điều 5 của Thông tư 47/2014/TT-BGDDT; Số giờ chuẩn với giảng viên thỉnh giảng (50% định mức giờ chuẩn giảng dạy) quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg)</p>
2	2015-2016				15	90	<p>90/315/135</p> <p>Giờ giảng dạy trực tiếp: 90 Giờ quy đổi: 315 Số giờ định mức: 50%*270 = 135</p> <p>(Định mức giờ chuẩn giảng dạy đổi với giảng viên được quy định tại Mục b, khoản 1, điều 5 của Thông tư 47/2014/TT-BGDDT; Quy đổi giờ ra giờ chuẩn giảng dạy đổi với giảng viên được quy định tại Khoản 2 điều 5 của Thông tư 47/2014/TT-BGDDT; Số giờ chuẩn với giảng viên thỉnh giảng (50% định mức giờ chuẩn giảng dạy) quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg)</p>

Bản hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

								90/190/135 Giờ giảng dạy trực tiếp: 90 Giờ quy đổi: 190 Số giờ định mức: 50%*270 = 135  (Định mức giờ chuẩn giảng dạy đổi với giảng viên được quy định tại Mục b, khoản 1, điều 5 của Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT; Quy đổi giờ ra giờ chuẩn giảng dạy đổi với giảng viên được quy định tại Khoản 2 điều 5 của Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT; Số giờ chuẩn với giảng viên thỉnh giảng (50% định mức giờ chuẩn giảng dạy) quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg)
<b>3 năm học cuối</b>								
3	2016-2017		1	1		90		
4	2017-2018		1		96	90		186/216/135 Giờ giảng dạy trực tiếp: 186 Giờ quy đổi: 216 Số giờ định mức: 50%*270 = 135  (Định mức giờ chuẩn giảng dạy đổi với giảng viên được quy định tại Mục b, khoản 1, điều 5 của Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT; Quy đổi giờ ra giờ chuẩn giảng dạy đổi với giảng viên được quy định tại Khoản 2 điều 5 của Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT; Số giờ chuẩn với giảng viên thỉnh giảng (50% định mức giờ chuẩn giảng dạy) quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg)
5	2018-2019		1	1	1	251,5		251,5/331,5/135 Giờ giảng dạy trực tiếp: 251,5

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

							Giờ quy đổi: 331,5 Số giờ định mức: 50%*270 = 135 (Định mức giờ chuẩn giảng dạy đổi với giảng viên được quy định tại Mục b, khoản 1, điều 5 của Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT; Quy đổi giờ ra giờ chuẩn giảng dạy đổi với giảng viên được quy định tại Khoản 2 điều 5 của Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT; Số giờ chuẩn với giảng viên thỉnh giảng (50% định mức giờ chuẩn giảng dạy) quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg)
							153/253/135
6	2019-2020	1	1	153			Giờ giảng dạy trực tiếp: 153 Giờ quy đổi: 253 Số giờ định mức: 50%*270 = 135 (Định mức giờ chuẩn giảng dạy đổi với giảng viên được quy định tại Mục b, khoản 1, điều 5 của Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT; Quy đổi giờ ra giờ chuẩn giảng dạy đổi với giảng viên được quy định tại Khoản 2 điều 5 của Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT; Số giờ chuẩn với giảng viên thỉnh giảng (50% định mức giờ chuẩn giảng dạy) quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg)

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010 TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012 TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014 TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:... Tiếng Anh, Tiếng Nhật.....

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH  ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  luận án TS  ; tại nước: Nhật Bản ..... năm 2007 và 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: .....số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): ...IELTS 6.5.....

### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Thị Trang		x	x		2014-2015	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội	2015
2	Nguyễn Thị Thanh Bình		x	x		2016-2017	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội	2017
3	Đồng Duy Mạnh		x		x	2018-2019	Đại học Mỏ-Địa Chất	2019
4	Trần Hoàng Minh		x	x		2019-2020	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội	2020

Ghi chú: Ứng viên chúc danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

### 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biện soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<i>Sau khi bảo vệ luận án TS</i>							
1	Tích hợp	GT	NXB Khoa	2	Chủ biên	Toàn bộ cuốn	Văn bản xác

Bản hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

viễn thám và GIS Khái niệm, vấn đề và giải pháp	ISBN: 987-604-67-0708-0	Học và Kỹ Thuật			sách	nhận số 396 ngày 1/12/2016
---	-------------------------	--------------------	--	--	------	-------------------------------

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

**Lưu ý:**

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đổi với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đổi với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

## 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<i>Sau khi bảo vệ luận án TS</i>					
1	Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật nâng cao độ chính xác của công tác phân loại ảnh khu vực có lớp phủ hỗn hợp (ĐT)	CN	Mã số: 97/QĐ-VĐĐBĐ Đề tài cấp cơ sở của Bộ Tài nguyên và Môi Trường	2014-2015	2015/ Khá
2	Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS nghiên cứu vật liệu cháy trong các kiểu rừng phục vụ công tác phòng chống cháy rừng tại tỉnh Bắc Giang ứng phó biến đổi khí hậu (ĐT)	CN	Mã số: 259/QĐ-KHCN Đề tài cấp Tỉnh Bắc Giang	2016-2018	2018 / Khá
3	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp đo độ sâu Stumpf trong thành lập bản đồ địa hình đáy biển khu vực đảo xa bờ bằng ảnh viễn thám quang học (ĐT)	CN	Mã số: 150/97/QĐ-VĐĐBĐ Đề tài cấp cơ sở của Bộ Tài nguyên và Môi Trường	2018-2019	2019/ Khá

**Lưu ý:**

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đè tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thủ ký.

## 7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

### 7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
<i>Sau khi bảo vệ luận án TS</i>								
<b>Tạp chí Quốc tế uy tín</b>								
1	Urban growth and change analysis using remote sensing and spatial metrics from 1975 to 2003 for Hanoi, Vietnam	2	Tác giả chính	ISSN: 0143-1161	International Journal of Remote Sensing IF: 2.656 (Tạp chí trong hệ thống ISI)	32, 7, 1901-1915		2011
2	A case study on the relation between city planning and urban growth using remote sensing and spatial metrics	3	Tác giả chính	ISSN: 0169-2046	Landscape and Urban Planning IF: 4.029 (Tạp chí trong hệ thống ISI)	100, 3, 223-230		2011
3	We based GIS for spatial pattern detection: application to malaria incidence in Vietnam	2		ISSN: 2193-1801	SpringerPlus IF: 1 (Tạp chí trong hệ thống ISI)	5, 1, 1014-1019		2016
4	Understanding spatial variations of malaria in Vietnam using remotely sensed data integrated into GIS and machine learning classifiers	5		ISSN: 10106049	Geocarto International IF: 2.392 (Tạp chí trong hệ thống ISI)	34, 12, 1300-1314		2018
5	Whale Optimization Algorithm and Adaptive Neuro-Fuzzy Inference System: A hybrid method for feature selection and land pattern classification	5		ISSN: 0143-1161	International Journal of Remote Sensing IF: 2.656 (Tạp chí trong hệ thống ISI)	40, 13, 5078-5093		2019
6	A novel method for	9		ISSN:	Canadian Journal	45, 1, 42-		2019

Bản hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	multiple spectral image classification by using social spider optimization algorithm integrated to unsupervised fuzzy C-mean clustering		0703-8992	of Remote Sensing IF: 2.626 (Tạp chí trong hệ thống ISI)	53	
7	Integrating Sentinel-1A SAR data and GIS to estimate aboveground biomass and carbon accumulation for tropical forest types in Thuan Chau district, Vietnam		ISSN: 2352-9385	Remote Sensing Application: Society and Environment (Tạp chí trong hệ thống SCOPUS)	14, 148-157	2019
8	Hybrid model to optimize object-based land cover classification by meta-heuristic algorithm: an example for supporting urban management in Ha Noi, Viet Nam		ISSN: 1753-8955	International Journal of Digital Earth IF: 4.136 (Tạp chí trong hệ thống ISI)	12, 10, 1118-1132	2018
9	Mangrove forest classification and above ground biomass estimation using atom search algorithm and adaptive neural fuzzy inference system	Tác giả chính	ISSN: 1932-6203	PLOS ONE IF: 2.776 (Tạp chí trong hệ thống ISI). Bản online <a href="https://doi.org/10.1371/journal.pone.0233110">https://doi.org/10.1371/journal.pone.0233110</a>		2020
<b>Tạp chí trong nước</b>						
10	Giới thiệu về Hạ Tầng Dữ Liệu Không Gian Quốc Gia (NSDI) và mô hình NSDI của Hàn Quốc	Tác giả chính	ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	14, 12, 41-50	2012
11	Phân tích mối tương quan giữa quy hoạch đô thị và đô thị hóa bằng công nghệ viễn thám và các tham số lượng hóa phân tích kiến trúc cảnh quan.	Tác giả chính	ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	15, 3, 18-26	2013
12	VNREDSAT1 Bước đầu làm chủ công nghệ vệ tinh quan sát trái đất của Việt Nam.		ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	16, 6, 59-64	2013
13	Khoanh vùng nguy cơ ngập lụt do ảnh hưởng mua bão ở thủ đô hà nội bằng tư liệu viễn thám và		ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	17, 9, 50-54	2013

Bản hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

GIS							
14	U-city và mô hình tại Hàn Quốc <sup>2</sup>		ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	22,12,45- 52	2014	
15	Ứng dụng viễn thám và kỹ thuật phân tích kiến trúc cảnh quan phục vụ phân tích biến động hình thái rừng khu vực Tây Bắc Việt Nam <sup>3</sup>	Tác giả chính	ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	23,3,40- 45	2014	
16	Giới thiệu ứng dụng kết hợp viễn thám và mô hình watem trong nghiên cứu xói mòn đất khu vực miền núi. <sup>3</sup>	Tác giả chính	ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	23,3,40- 45	2015	
17	Hệ thống đo trọng lực hàng không TAGS-6 và kết quả bay thử nghiệm tại Việt Nam <sup>4</sup>		ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	24,6,17- 23	2015	
18	Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao độ chính xác của công tác phân loại ảnh khu vực có lớp phủ hỗn hợp-Cơ sở khoa học <sup>1</sup>	Tác giả chính	ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	28,6,15- 21	2016	
19	Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao độ chính xác của công tác phân loại ảnh khu vực có lớp phủ hỗn hợp-Nghiên cứu thực nghiệm <sup>1</sup>	Tác giả chính	ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	29,9,19- 26	2016	
20	Phân tích hiện tượng đảo nhiệt đô thị: mối liên hệ giữa nhiệt độ bề mặt đất <sup>2</sup> và bề mặt không thấm nước	Tác giả chính	ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	31,3,17- 22	2017	
21	Giới thiệu ứng dụng thử nghiệm công nghệ UAV và GIS trong việc giám sát và quản lý hệ thống đường bờ của sông Hồng và sông Đuống. <sup>3</sup>	Tác giả chính	ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	34,12,16- 19	2017	
22	Nghiên cứu phương pháp đo vẽ bù độ cao địa hình tại khu vực bay chụp hổ, <sup>1</sup> mây che sử dụng cặp ảnh lập thể Radar TerraSar-X	Tác giả chính	ISSN: 0866-8612	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc Gia(online)		2017	

Bản hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

23	Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS nghiên cứu vật liệu cháy trong các kiểu rừng phục vụ công tác phòng chống cháy rừng tại tỉnh Bắc Giang	2	Tác giả chính	ISSN: 0866-8612	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	35,3,29-37	2017
24	Nghiên cứu xây dựng khung pháp lý quản lý nhà nước về viễn thám	4		ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	35,3	2018
25	Khái niệm về phương pháp random forest trong cuộc cách mạng machine learning và định hướng ứng dụng trong lĩnh vực viễn thám	2	Tác giả chính	ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	38,12,17-21	2018
26	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp học máy (machine learning) trong phân loại rừng ngập mặn trên ảnh viễn thám SPOT6 với khu vực thử nghiệm tại Tỉnh Cà Mau	2	Tác giả chính	ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	39,3,15-19	2019
27	Tác động của mở rộng đô thị đến di sản văn hóa: nghiên cứu quần thể di tích Huế	5	Tác giả chính	ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	40,6, 34-41	2019
28	Đánh giá ảnh hưởng của đô thị hóa đến đất nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng sử dụng tư liệu viễn thám đa thời gian và GIS	6	Tác giả chính	ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	40,6, 42-49	2019
29	Nghiên cứu ứng dụng thuật toán STUMPF và phương pháp học máy (MACHINE LEARNING) trong xác định độ sâu đáy biển khu vực đảo xa bờ bằng ảnh viễn thám	2	Tác giả chính	ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	41,9,22-29	2019
30	Nguyên cứu cơ sở khoa học trong lựa chọn chỉ số cảnh quan phù hợp phục vụ công tác giám sát biến đổi cấu trúc rừng ngập mặn. Thực hiện tại rừng ngập mặn mũi Cà Mau	2	Tác giả chính	ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	42,12,20-25	2019

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

31	Nghiên cứu thử nghiệm ứng dụng Google Colab và phương pháp học máy (machine learning) trong phân loại ảnh viễn thám	Tác giả chính	ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ	43,3,13-17	2020
32	Thành lập nhanh bản đồ lũ bằng chỉ số lũ khác biệt chuẩn hóa NDFI và chỉ số khác biệt lũ trong vùng thực vật thấp NDFVI sử dụng lợi thế của hệ thống Vietnam Data Cube		ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ (Có xác nhận đăng bài)	44,6	2020
33	Ứng dụng “machine learning” trong tái tạo kênh phô trên ảnh viễn thám	Tác giả chính	ISSN: 0866-7705	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ (Có xác nhận đăng bài)	45,9	2020
<b>Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế</b>						
34	Vietnam NSDI strategic plan	Tác giả chính	ISBN 1511-7049	GeoSmart Asia 2013 (online) <a href="https://geosmartasia.org/2013/gipolicy_bio.htm">https://geosmartasia.org/2013/gipolicy_bio.htm</a>		2013
35	Participatory GIS and Public engagement in water resource management in Nam Dinh, Viet Nam		ISBN: 978-1-62993-910-0	The 34th Asian Conference on Remote Sensing 2013 (Kỷ yếu trong hệ thống SCOPUS)		2013
36	NSDI as an enabling platform for facilitation of land administration functions in Vietnam		ISBN: 978-1-63439-999-9	The 35th Asian Conference on Remote Sensing 2014 (Kỷ yếu trong hệ thống SCOPUS)		2014
37	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp Radar lập thể xây dựng mô hình số	Tác giả chính	ISBN: 978-604-904-	Hội nghị: “Đo đạc Bản đồ Ứng phó Biến đổi Khí hậu”.		2016

	độ cao (DEM)		941-5			
38	Making digital surface models (DSM) by SPOT61 satellite images	Tác giả chính	ISBN: 978-604-913-650-4	International Conference on Earth Observation and Natural Hazards 2017		2017
39	Nghiên cứu xây dựng phần mềm thành lập bản đồ nguy cơ cháy rừng ứng dụng phương pháp viễn thám và GIS	Tác giả chính	ISBN: 978-604-952-1386	Hội nghị Khoa học và Công nghệ toàn quốc Ngành Đo đạc và Bản đồ 2018		2018

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận bằng TS: 3 bài.....

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đổi với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đổi với UV chức danh GS.

#### 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: .....

#### 7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: .....

#### 7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: .....

#### 8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ của Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ;

- Tham gia xây dựng giáo trình Xử lý ảnh số phục vụ giảng dạy môn Xử lý ảnh số tại Khoa Công Nghệ Thông Tin, Trường Đại học Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội

#### 9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*: Không có

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....
- Giờ giảng dạy
  - + Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....
  - + Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....
- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:
  - + Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)
  - Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ....
  - + Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)
  - Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: ....
- c) Nghiên cứu khoa học
  - Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)
  - Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: ....
  - Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)
  - Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:
  - + Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH
  - Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....
  - + Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH
  - Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2020

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Phạm Minh Hải